TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2019/KDTM-ST
Ngày: 28/6/2019
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Bảo Lâm

Ông Nguyễn Tấn Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa: Ông Nguyễn Lê Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2018/TLST-KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐST-KDTM ngày 07 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2019/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ; địa chỉ: Đường P, phường H, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 09 ngày 30/7/2018 của Tổng Giám đốc Công ty)

2. Bị đơn: Công ty cổ phần Xây dựng L; địa chỉ: Đường C, Phường F, quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hồng T3 là người đại diện theo pháp luật của Công ty (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 13/9/2018)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2018, nguyên đơn Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ và lời khai của bà Nguyễn Thị Bích T2 là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT-2014 ngày 25/11/2014 về việc mua bán vật liệu xây dựng giữa Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ (Gọi tắt là Công ty Đ) và Công ty cổ phần Xây dựng L (Gọi tắt là Công ty L), Công ty Đ đã thực hiện việc xong việc giao hàng cho Công ty L đúng nội dung, chất lượng và quy cách vật tư hàng hóa theo thỏa thuận của hợp đồng. Ngày 30/4/2016, các bên đã đối chiếu và xác nhận công nợ; tuy nhiên Công ty L vẫn không thanh toán đầy đủ cho Công ty Đ. Tính đến ngày 04/6/2018 Công ty L còn nợ Công ty Đ số tiền 770.276.858đ; trong đó nợ gốc 547.875.457đ và nợ lãi 222.401.401đ. Công ty Đ yêu cầu Tòa án buộc Công ty L phải thanh toán số nợ trên, thanh toán một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật và lãi phát sinh do chậm thanh toán.

Bị đơn Công ty cổ phần Xây dựng L do bà Thái Thị S là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/10/2018) trình bày:

Theo Hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT-2014 ngày 25/11/2014 về việc mua bán vật liệu xây dựng giữa Công ty L và Công ty Đ, tính đến ngày 08/10/2018, Công ty L còn nợ Công ty Đ số tiền hàng 547.875.457đ. Hiện nay, Công ty L vẫn chưa thu được khoản thu nào từ chủ đầu tư tại công trình nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh và rất khó khăn về tài chính; do đó chúng tôi đề nghị nguyên đơn hỗ trợ miễn tiền lãi và phạt đối với hợp đồng trên.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Bích T2 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã thanh toán 300.000.000đ còn lại số tiền nợ gốc 247.875.457đ. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 247.875.457đ và tiền lãi bao gồm:

- Lãi phát sinh đến ngày 30/4/2016 đã giảm 50% theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/4/2016 là 25.432.766đ;

- Lãi phát sinh từ ngày 01/5/2016 đến ngày 28/6/2019 là 159.687.069đ. Đây là mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định 9%/năm.

Tổng số tiền yêu cầu bị đơn thanh toán là 432.995.292đ; thanh toán ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật và phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của

pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại quận Tân Bình nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không có người đại diện tham gia phiên toà nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự đã được xem xét tại phiên tòa đã đủ cơ sở xác định:

Bị đơn Công ty cổ phần Xây dựng L và nguyên đơn Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ và đã ký Hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT-2014 ngày 25/11/2014 về việc mua bán vật tư để phục vụ cho thi công gói thầu bãi chứa xỉ nhà máy nhiệt điện Duyên Hải. Các bên đã giao nhận hàng hóa, xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định pháp luật và đối chiếu công nợ ngày 30/4/2016.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.2.1] Về yêu cầu thanh toán tiền hàng còn nợ:

Căn cứ Biên bản hòa giải ngày 10/4/2019 tại Tòa án, bị đơn Công ty L xác nhận còn nợ nguyên đơn Công ty Đ theo Hợp đồng kinh tế số 24/HĐKT-2014 ngày 25/11/2014 số tiền nợ gốc 247.875.457đ.

Tại khoản 3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

"3. Đương sự có người đại diện tham gia tố tụng thì sự thừa nhận của người đại diện được coi là sự thừa nhận của đương sự nếu không vượt quá phạm vi ủy quyền".

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 247.875.457đ.

[2.2.2] Về tiền lãi:

Xét yêu cầu về tiền lãi phát sinh đến ngày 30/4/2016 đã giảm 50% theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/4/2016 là 25.432.766đ.

Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/4/2016 các bên đã xác nhận tiền lãi phát sinh là 50.865.532đ. Đại diện Công ty L đã ký xác nhận và *"đề nghị chia sẽ 50%"*. Công ty Đ chỉ yêu cầu tiền lãi là 25.432.766đ là đã chấp nhận đề nghị giảm 50% của Công ty L.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi phát sinh đến ngày 30/4/2016 là 25.432.766đ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu về tiền lãi phát sinh từ ngày 01/5/2016 đến ngày 28/6/2019,

Tại Điều 6.1 về phương thức thanh toán của Hợp đồng, các bên thỏa thuận: *"Sau 10 ngày kể từ ngày Bên B giao hàng cho Bên A, Bên A phải thanh toán đủ 100% trị giá đơn hàng đã giao. Thời gian quá hạn thanh toán Bên A phải chịu lãi suất bằng lãi suất phạt trả chậm của ngân hàng thương mại cổ phần và dư nợ không quá 10 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán"*.

Thỏa thuận bên mua chịu lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền hàng bằng lãi suất trả chậm của ngân hàng thương mại cổ phần nhưng không cụ thể là ngân hàng thương mại cổ phần nào; do đó cần phải xác định lại cho đúng.

Căn cứ lãi suất cho vay trung hạn phục vụ sản xuất kinh doanh đối với doanh nghiệp của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam là 11,1%/năm; Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam là 10%/năm; Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam là 10,5%/năm. Nguyên đơn chỉ yêu cầu đòi tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước 09%/năm là thấp hơn, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tính từ thời điểm bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 01/5/2016 đến ngày 28/6/2019 (1.154 ngày) tương ứng số tiền lãi là 159.687.069đ.

Tổng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là: Nợ gốc 247.875.457đ + tiền lãi 185.119.835đ (25.432.766đ+ 159.687.069đ)= 432.995.292đ.

Xét việc bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại và án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 24; 50; 55 và 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần Xây dựng L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

2. Buộc bị đơn Công ty cổ phần Xây dựng L phải thanh toán cho nguyên đơn Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ số tiền nợ gốc 247.875.457đ *(Hai trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn bốn trăm năm mươi bảy đồng)* và tiền lãi 185.119.835đ *(Một trăm tám mươi lăm triệu một trăm mười chín ngàn tám trăm ba mươi lăm đồng);* tổng cộng: 432.995.292đ *(Bốn trăm ba mươi hai triệu chín trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm chín mươi hai đồng).*

Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần Xây dựng L phải chịu 21.319.812đ *(Hai mươi mốt triệu ba trăm mười chín ngàn tám trăm mười hai đồng).*

5. Hoàn lại cho Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Đ số tiền tạm ứng án phí 17.405.537đ *(Mười bảy triệu bốn trăm lẻ năm ngàn năm*

trăm ba mươi bảy đồng) theo biên lai thu số 0008622 ngày 09/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Phước Lý

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND QTB;
- Chi cục THADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.